



HỌC VIỆN TÀI CHÍNH
PHÂN HIỆU HƯNG YÊN

148-181

Phòng thi: 1
Giảng đường: A1_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Tài chính hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000002	1201061519	Bùi Xuân	An	10/01/2006	KA12A	01	148	9.5	01	An	Chấn
2	000003	1201060492	Phạm Thị Ngọc	Anh	10/06/2006	KA12A	01	149	10	01	Anh	Lê
3	000004	1201061634	Tăng Hà Kiều	Anh	04/05/2006	KA12A	01	150	8.0	01	Anh	Chấn
4	000005	1201061522	Trịnh Thị Yến	Chi	11/02/2006	KA12A	01	151	6.5	01	Chi	Lê
5	000006	1201060496	Nguyễn Anh	Dũng	19/08/2006	KA12A	01	152	7.5	01	Dũng	Chấn
6	000007	1201061523	Nguyễn Tiên	Dũng	18/05/2006	KA12A	01					HP,ĐK
7	000008	1201060497	Hoàng Thị	Duyên	05/08/2006	KA12A	01	153	6.8	01	Duyên	Chấn
8	000009	1201060499	Nguyễn Hương	Giang	28/12/2006	KA12A	01	154	5.8	01	Giang	Lê
9	000010	1201060504	Lê Thanh	Hoa	19/07/2006	KA12A	01	155	9.0	01	Hoa	Chấn
10	000011	1201060505	Nguyễn Đức	Hoàng	29/06/2006	KA12A	01	156	7.8	01	Hoàng	Lê
11	000012	1201061525	Phan Huy	Hoàng	10/10/2006	KA12A	01	157	9.3	01	Hoàng	Chấn
12	000013	1201060507	Đoàn Quang	Huy	04/07/2006	KA12A	01					HP,ĐK
13	000014	1201060511	Lê Thị Hoài	Linh	01/01/2006	KA12A	01	158	8.8	01	Linh	Chấn
14	000015	1201060513	Nguyễn Khánh	Ly	09/05/2006	KA12A	01	159	4.0	01	Ly	Lê
15	000016	1201060515	Nguyễn Hồng	Minh	27/10/2006	KA12A	01					HP,ĐK
16	000017	1201060516	Lưu Quỳnh	Nga	05/04/2006	KA12A	01	160	4.0	01	Nga	Lê
17	000018	1201060517	Nguyễn Thị Phương	Nga	14/02/2006	KA12A	01	161	6.8	01	Nga	Chấn
18	000019	1201060518	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	01/09/2006	KA12A	01	162	6.3	01	Ngọc	Lê
19	000020	1201060519	Lê Thái	Nguyên	25/10/2006	KA12A	01	163	6.8	01	Nguyên	Chấn
20	000021	1201060520	Ngô Long	Nhật	27/10/2003	KA12A	01	164	8.0	01	Nhật	Lê
21	000022	1201060523	Đào Thị	Quỳnh	16/05/2006	KA12A	01	165	8.8	01	Quỳnh	Chấn
22	000023	1201060524	Phạm Thanh	Tâm	17/07/2006	KA12A	01	166	9.8	01	Tâm	Lê
23	000024	1201060525	Lê Thị Thu	Thảo	31/07/2006	KA12A	01	167	9.3	01	Thảo	Chấn
24	000025	1201060526	Nguyễn Thanh	Thảo	11/11/2006	KA12A	01	168	8.3	01	Thảo	Lê
25	000026	1201060527	Bùi Ánh	Thư	25/07/2006	KA12A	01	169	7.0	01	Thư	Chấn
26	000027	1201060529	Đoàn Phúc	Toàn	01/11/2005	KA12A	01	170	6.8	01	Toàn	Lê
27	000028	1201060532	Nguyễn Thị Kiều	Trang	05/05/2006	KA12A	01	171	8.0	01	Trang	Chấn
28	000029	1201020063	Nguyễn Châu	Anh	06/03/2006	KC12A	01	172	6.0	01	Anh	Lê



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Tài chính hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000135	1201020325	Vũ Minh	Nguyệt	06/07/2006	KD12B	03	211	7,5	01	Nguyệt	lẻ
2	000136	1201020335	Nguyễn Nguyệt	Nhi	20/10/2006	KD12B	03	212	4,8	01	Nhi	chẵn
3	000137	1201020338	Tăng Hoàng Yên	Nhi	27/05/2006	KD12B	03	213	6,8	01	Nhi	lẻ
4	000138	1201020359	Ngô Thị Minh	Phương	19/02/2006	KD12B	03	214	4,5	01	Phu	chẵn
5	000139	1201020368	Ngô Ngọc	Quyên	03/03/2006	KD12B	03	215	7,5	01	Quyên	lẻ
6	000140	1201020385	Đỗ Phương	Thảo	19/01/2006	KD12B	03	216	4,5	01	Thảo	chẵn
7	000141	1201021810	Nguyễn Phương	Thảo	01/07/2006	KD12B	03	217	7,0	01	Thảo	lẻ
8	000142	1201031061	Nguyễn Phương	Thảo	25/02/2006	KD12B	03	218	5,0	01	Thảo	chẵn
9	000143	1201020393	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/08/2006	KD12B	03	219	4,0	01	Th	lẻ
10	000144	1201020400	Lê Hoàng Minh	Thu	02/08/2006	KD12B	03	220	7,5	01	Thu	chẵn
11	000145	1101020283	Phạm Thị	Thương	11/03/2005	KD12B	03	221	7,5	01	Thương	lẻ
12	000146	1201020413	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	12/05/2003	KD12B	03	222	6,3	1	Thuy	chẵn
13	000147	1201020422	Hoàng Kim	Tiếp	25/10/2006	KD12B	03					HP,ĐK
14	000148	1201020423	Trần Thị	Toán	28/03/2000	KD12B	03	223	3,0	01	Toán	chẵn
15	000149	1101021347	Phạm Bảo	Trân	19/01/2005	KD12B	03	224	5,0	01	hân	lẻ
16	000150	1201021644	Đinh Thị Quỳnh	Trang	25/04/2006	KD12B	03	225	7,0	01	Trang	chẵn
17	000151	1201020439	Nguyễn Quỳnh	Trang	30/06/2006	KD12B	03	226	3,5	01	Trang	lẻ
18	000152	1201020449	Phạm Thị Huyền	Trang	03/01/2006	KD12B	03	227	8,8	01	Trang	chẵn
19	000153	1201020462	Nguyễn Thị	Tươi	05/01/2006	KD12B	03	228	7,0	01	Tươi	lẻ
20	000154	1201020471	Đỗ Thị Cẩm	Vi	16/10/2005	KD12B	03	229	7,0	01	Vi	chẵn
21	000155	1201021144	Hoàng Lan	Vy	22/08/2006	KD12B	03	230	8,3	01	Vy	lẻ
22	000156	1201020489	Lưu Thị Hải	Yến	26/10/2006	KD12B	03	231	6,8	01	Y	chẵn
23	000157	1201021655	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	30/11/2005	KD12C	04	232	6,0	01	quh	lẻ
24	000158	1201020072	Nguyễn Quỳnh	Anh	17/04/2004	KD12C	04					HP,ĐK
25	000159	1201020074	Nguyễn Thị Lan	Anh	16/06/2006	KD12C	04	233	3,0	01	Anh	lẻ
26	000160	1201020081	Phạm Ngọc	Anh	28/07/2005	KD12C	04	234	4,5	01	Anh	chẵn
27	000161	1201020111	Đỗ Thị	Cúc	03/01/2006	KD12C	04	235	5,5	01	Cuc	lẻ
28	000162	1201020494	Trịnh Tuấn	Đạt	28/06/2006	KD12C	04	236	4,5	01	Đạt	chẵn
29	000163	1201021603	Bùi Quỳnh	Diễm	25/02/2006	KD12C	04	237	6,0	01	Diễm	lẻ
30	000164	1201020117	Lê Thị Huyền	Diệu	24/08/2006	KD12C	04	238	7,8	01	Diệu	chẵn
31	000165	1201021807	Ngô Thị	Dung	08/12/2006	KD12C	04	239	4,0	01	Dung	HP,ĐK nộp
32	000166	1001020956	Nguyễn Thị Ngọc	Dương	25/10/2004	KD12C	04	240	3,8	01	Quoc	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 30...

Tổng số tờ giấy thi: 30...

Tổng số biên bản: 0...

Ngày 26 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm T. T. Hương

Vũ Thị Thắng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Tài chính hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000167	1001020207	Nguyễn Thị Ngọc	Nam	08/04/2004	KD10C	04	118	6,5	01	Nam	le'
2	000168	1101020169	Đinh Thị Ngọc	Loan	03/08/2005	KD11E	04					ĐK
3	000169	1201020136	Nguyễn Thùy	Dương	28/06/2006	KD12C	04	119	8,3	01	Dương	le'
4	000170	1201021671	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/05/2006	KD12C	04	120	5,3	01	Giang	chấn
5	000171	1201021486	Trần Thị Thúy	Hà	15/02/2006	KD12C	04	121	4,5	01	Hà	le'
6	000172	1201020165	Phạm Việt	Hằng	07/11/2006	KD12C	04	122	7,0	01	Hằng	chấn
7	000173	1201020168	Đỗ Thị Thu	Hiền	14/07/2006	KD12C	04	123	7,0	01	Hiền	le'
8	000174	1201021770	Nguyễn Văn	Hiếu	19/11/2006	KD12C	04	124	3,5	01	Hiếu	chấn
9	000175	1201020191	Lò Thị	Hương	08/11/2005	KD12C	04	125	6,5	01	Hương	le'
10	000176	1201020202	Dương Khánh	Huyền	08/06/2006	KD12C	04	126	mat	01	Huyền	HP Chấn
11	000177	1201021791	Nguyễn Đan	Khanh	17/12/2006	KD12C	04	127	2,3	01	Khanh	le'
12	000178	1201020220	Phùng Hữu	Khanh	03/09/2006	KD12C	04	128	2,5	01	Khanh	chấn
13	000179	1201020224	Nguyễn Thị Thanh	Lam	18/08/2006	KD12C	04	129	5,8	01	Lam	le'
14	000180	1201020233	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	01/09/2005	KD12C	04	130	9,0	01	Lan	chấn
15	000181	1201021783	Đỗ Thị Khánh	Linh	13/03/2006	KD12C	04	131	3,0	01	Linh	chấn le'
16	000182	1201021704	Nguyễn Thị Hoài	Linh	15/12/2005	KD12C	04					HP
17	000183	1201020269	Lê Văn	Luân	21/08/2004	KD12C	04	132	2,5	01	Lưu	le'
18	000184	1201020306	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	16/12/2006	KD12C	04	133	8,3	01	Nga	chấn
19	000185	1201021601	Nguyễn Thị Kim	Ngân	07/10/2006	KD12C	04	134	8,0	01	Ngân	le'
20	000186	1201020318	Nguyễn Minh	Ngọc	24/11/2006	KD12C	04	135	7,3	01	Ngọc	chấn
21	000187	1201020319	Phạm Bích	Ngọc	20/08/2006	KD12C	04	136	8,5	01	Ngọc	le'
22	000188	1201020327	Nguyễn Thị	Nhài	08/12/2005	KD12C	04	137	6,5	01	Nhài	Chấn
23	000189	1201021501	Phạm Hoàng Bảo	Nhi	20/08/2006	KD12C	04	138	8,3	01	Nhi	le'
24	000190	1201021819	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	03/01/2006	KD12C	04	139	8,8	01	Nhung	le' chấn
25	000191	1201020352	Bùi Thu	Phương	08/09/2006	KD12C	04	140	5,5	01	Phương	HP le'
26	000192	1201020362	Phùng Minh	Phương	21/01/2006	KD12C	04	141	6,5	01	Phùng	chấn
27	000193	0901020696	Vũ Mai	Phương	14/06/2003	KD12C	04	142	7,0	01	Phùng	le'
28	000194	1201021805	Ngô Thị Thuý	Quỳnh	04/08/2006	KD12C	04	143	2,0	01	Quỳnh	chấn
29	000195	1201020377	Trần Thị Minh	Tâm	24/03/2006	KD12C	04	144	7,5	01	Tâm	le'
30	000196	1201020388	Lê Thị	Thảo	05/11/2006	KD12C	04	145	2,5	01	Thảo	chấn
31	000197	1201020402	Bùi Anh	Thư	24/07/2005	KD12C	04	146	4,8	01	Thư	le'
32	000198	1201020415	Đào Thị Thanh	Thùy	30/04/2006	KD12C	04	147	5,8	01	Thùy	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 30

Tổng số tờ giấy thi: 30

Tổng số biên bản: 0

Ngày 26 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thu

Phạm Văn Tuấn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Tài chính hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000199	1201021820	Nguyễn Mai	Trang	06/06/2006	KD12C	04	1	5,0	01	Trang	Lẻ
2	000200	1201021751	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/02/2006	KD12C	04	2	4,8	01	Trang	Chẵn
3	000201	1201020447	Nguyễn Thùy	Trang	23/04/2006	KD12C	04	3	7,0	01	Trang	Lẻ
4	000202	1201020450	Phạm Thị Ngọc	Trang	06/07/2006	KD12C	04	4	8,3	01	Trang	Chẵn
5	000203	1201021777	Trần Đình	Trung	03/04/2006	KD12C	04	5	2,5	01	Trung	Lẻ
6	000204	1201020465	Nguyễn Tú	Uyên	26/04/2006	KD12C	04	6	9,5	01	Uyên	Chẵn
7	000205	1201020473	Nguyễn Khánh	Vi	23/04/2006	KD12C	04	7	8,5	01	Vi	Lẻ
8	000206	1201020482	Đinh Kiều	Xuân	06/05/2006	KD12C	04	8	8,8	01	Xuân	Chẵn
9	000207	1201021606	Nguyễn Thị Hải	Yên	23/07/2006	KD12C	04	9	8,5	01	Yên	Lẻ
10	000208	1201021806	Lê Hải	Anh	21/10/2006	KD12D	05	10	4,3	01	AH	Chẵn
11	000209	1201021672	Nguyễn Thị Kiều	Anh	09/06/2006	KD12D	05	11	6,5	01	Anh	Lẻ
12	000210	1201021669	Phan Thị Ngọc	Anh	01/01/2006	KD12D	05	12	6,8	01	Phan	Chẵn
13	000211	1201020091	Trần Thị Vân	Anh	27/10/2006	KD12D	05	13	7,0	01	Anh	Lẻ
14	000212	1101020036	Lê Thị Ngọc	Ánh	25/06/2005	KD12D	05	14	5,8	01	Anh	Chẵn
15	000213	1201021637	Nguyễn Hồng	Ánh	25/09/2006	KD12D	05	15	7,3	01	Hồng	Lẻ
16	000214	1201020106	Lý Quỳnh	Chi	31/03/2006	KD12D	05	16	9,3	01	Chi	Chẵn
17	000215	1201021477	Phạm Lệ	Diễm	23/06/2006	KD12D	05	17	7,0	01	Diễm	Lẻ
18	000216	1201020125	Nguyễn Thị Thùy	Dung	26/04/2006	KD12D	05	18	9,5	01	Dung	Chẵn
19	000217	1201020132	Đỗ Thị Quỳnh	Dương	31/07/2006	KD12D	05	19	8,3	01	Quỳnh	Lẻ
20	000218	1201020144	Trần Hương	Giang	22/11/2006	KD12D	05	20	7,5	01	Hương	Chẵn
21	000219	1201020157	Đặng Thị	Hân	08/04/2006	KD12D	05	21	7,3	01	Hân	Lẻ
22	000220	1201020166	Lê Mỹ	Hạnh	13/11/2006	KD12D	05	22	7,5	01	Hạnh	Chẵn
23	000221	1101020958	Trần Thị Thủy	Hiền	29/12/2005	KD12D	05	23	6,0	01	Thủy	Lẻ
24	000222	1201020174	Dương Xuân	Hình	11/01/2006	KD12D	05	24	6,5	01	Hình	Chẵn
25	000223	1201021488	Ngô Thị Thu	Hương	09/10/2006	KD12D	05	25	6,3	01	Hương	Lẻ
26	000224	1201020209	Nguyễn Thị	Huyền	27/10/2006	KD12D	05	26	9,3	01	Huyền	Chẵn
27	000225	1201021656	Nguyễn Lê	Khanh	07/04/2006	KD12D	05	27	8,5	01	Khanh	Lẻ
28	000226	1201021815	Nguyễn Đăng	Khôi	09/12/2006	KD12D	05	28	4,3	01	Khôi	Chẵn
29	000227	1201020225	Lê Thanh	Lâm	30/09/2006	KD12D	05	29	7,0	01	Lâm	Lẻ
30	000228	1201020234	Trần Thị Ngọc	Lan	02/03/2006	KD12D	05	30	8,5	01	Lan	Chẵn
31	000229	1201020241	Dư Thị Thùy	Linh	08/03/2006	KD12D	05	31	6,8	01	Linh	Lẻ
32	000230	1201020254	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/04/2006	KD12D	05	32	5,3	01	Linh	Chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 32

Tổng số biên bản: 0

Ngày 26 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thủy Trang

Bùi Thị Nhung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Tài chính hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000231	1201020280	Phạm Quỳnh	Ly	29/08/2006	KD12D	05	86	6,3	01	Ly	le'
2	000232	1201020291	Vũ Thị Huệ	Mẫn	15/11/2006	KD12D	05	87	6,5	01	Mẫn	Chấn
3	000233	1201020292	Bùi Thị Ngọc	Minh	01/09/2006	KD12D	05	88	2,0	01	Minh	le'
4	000234	1201020300	Nguyễn Thị Trà	My	14/03/2006	KD12D	05	89	8,5	01	My	Chấn
5	000235	1201020307	Chu Thị Phương	Ngân	03/06/2004	KD12D	05	90	8,3	01	Ngân	le'
6	000236	1201021708	Quách Thanh	Ngọc	14/08/2006	KD12D	05	91	5,3	01	Ngọc	chấn.
7	000237	1201020322	Đoàn Nhật	Nguyễn	19/08/2006	KD12D	05	92	8,5	01	Nguyễn	le'
8	000238	1201020330	Đặng Thị Yến	Nhi	21/09/2006	KD12D	05	93	8,0	01	Nhi	Chấn
9	000239	1201020339	Trần Ánh	Nhi	13/06/2006	KD12D	05	94	6,3	01	Nhi	le'
10	000240	1201020347	Nguyễn Thị Thùy	Ninh	03/10/2006	KD12D	05	95	7,0	01	Ninh	Chấn
11	000241	1201020353	Chích Hoàng	Phương	16/07/2005	KD12D	05	96	6,5	01	Phương	le'
12	000242	1201020363	Trần Phan Thanh	Phương	06/12/2006	KD12D	05	97	8,3	01	Phương	chấn
13	000243	1201020378	Lê Hoàng	Tân	04/12/2006	KD12D	05	98	5,8	01	Tân	le'
14	000244	1201020389	Lê Thị Huyền	Thảo	27/10/2006	KD12D	05	99	8,5	01	Thảo	Chấn
15	000245	1201020394	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/06/2006	KD12D	05	100	8,5	1	Thảo	le'
16	000246	1201020416	Đào Thanh	Thủy	19/09/2006	KD12D	05	101	9,0	1	Thủy	Chấn
17	000247	1201020424	Đoàn Thị Thu	Trà	07/03/2006	KD12D	05	102	8,5	01	Trà	le'
18	000248	1201020431	Hoàng Thị Thu	Trang	19/01/2006	KD12D	05	103	3,5	01	Trang	chấn
19	000249	1201020435	Nguyễn Ngọc	Trang	09/11/2006	KD12D	05	104	8,0	01	Trang	le'
20	000250	1201020443	Nguyễn Thị Thu	Trang	23/03/2006	KD12D	05	105	6,8	01	Trang	chấn
21	000251	1201020451	Phạm Thu	Trang	29/06/2005	KD12D	05	106	7,5	01	Trang	le'
22	000252	1201020453	Trần Huyền	Trang	29/07/2006	KD12D	05	107	7,0	01	Trang	chấn
23	000253	1201020475	Đinh Văn	Vĩ	10/02/2006	KD12D	05	108	5,3	01	Vĩ	le'
24	000254	1201020483	Đào Nguyễn Như	Ý	25/02/2006	KD12D	05	109	6,3	01	Nguyễn	chấn
25	000255	1201020491	Vũ Hải	Yến	07/12/2006	KD12D	05	110	6,0	01	Yến	le'
26	000256	1201020056	Lê Ngọc	Anh	13/07/2006	KD12E	06	111	6,0	01	Anh	chấn
27	000257	1201020068	Nguyễn Phương	Anh	10/12/2006	KD12E	06	112	4,5	01	Anh	le'
28	000258	1201020076	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/10/2006	KD12E	06	113	8,0	01	Anh	chấn
29	000259	1201020083	Phan Thị Quỳnh	Anh	23/11/2006	KD12E	06	114	6,8	01	Anh	le'
30	000260	1201020096	Nguyễn Ngọc	Ánh	08/04/2006	KD12E	06	115	7,8	01	Ánh	Chấn
31	000261	1201020107	Nguyễn Linh	Chi	04/09/2006	KD12E	06	116	6,3	01	Chi	le'
32	000262	1201020112	Phùng Mạnh	Cường	06/01/2006	KD12E	06	117	6,3	01	Giống	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 32

Tổng số biên bản: 0

Ngày 26 tháng 06 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Hằng

Kim Thị Hằng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Tài chính hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000263	1001020233	Nguyễn Yên	Nhi	28/11/2004	KD10D	06	302	6,5	01	Nhi	HP
2	000264	1201020113	Trịnh Thị	Diễm	12/05/2006	KD12E	06	303	4,5	01	Nhi	chấn
3	000265	1201020116	Phạm Lê Ngọc	Diệp	25/12/2006	KD12E	06	304	4,5	01	Nhi	lẻ
4	000266	1201021693	Hà Thị	Dịu	05/12/2006	KD12E	06	305	6,5	01	Nhi	chấn
5	000267	1201020133	Lê Thùy	Dương	24/04/2005	KD12E	06	306	4,8	01	Nhi	chấn
6	000268	1201021665	Vũ Thùy	Dương	22/02/2006	KD12E	06	307	4,8	01	Nhi	chấn
7	000269	1201020146	Đào Thu	Hà	04/05/2006	KD12E	06	308	5,8	01	Nhi	lẻ
8	000270	1201021822	Vũ Thị	Hà	16/01/2006	KD12E	06	309	5,5	01	Nhi	chấn
9	000271	1201020158	Nguyễn Ngọc	Hân	06/11/2006	KD12E	06	310	5,3	01	Nhi	lẻ
10	000272	1201021487	Lục Thúy	Hạnh	24/11/2006	KD12E	06	311	6,3	01	Nhi	chấn
11	000273	1201020169	Đỗ Thu	Hiền	29/03/2006	KD12E	06	312	2,0	1	Nhi	lẻ
12	000274	1201020175	Đỗ Quỳnh	Hoa	05/07/2006	KD12E	06	313	8,8	1	Nhi	chấn
13	000275	1201020184	Nguyễn Thị	Hồng	06/02/2006	KD12E	06	314	3,5	01	Nhi	HP
14	000276	1201020192	Ngô Thu	Hương	04/06/2006	KD12E	06				Nhi	HP,ĐK
15	000277	1201020200	Nguyễn Khánh	Hương	28/12/2006	KD12E	06	315	4,0	01	Nhi	lẻ
16	000278	1201020210	Nguyễn Thị Thu	Huyền	23/12/2006	KD12E	06	316	4,0	01	Nhi	chấn
17	000279	1201020216	Ngô Ngọc	Khánh	04/10/2006	KD12E	06	317	6,8	01	Nhi	lẻ
18	000280	1201020221	Hoàng Thị	Khuê	13/01/2005	KD12E	06	318	9,0	01	Nhi	chấn
19	000281	1201020226	Nguyễn Bảo	Lâm	14/10/2006	KD12E	06	319	6,0	01	Nhi	lẻ
20	000282	1201020236	Vũ Thị Kim	Lan	18/01/2006	KD12E	06	320	7,5	01	Nhi	chấn
21	000283	1201020245	Lã Thị Phương	Linh	06/11/2006	KD12E	06	321	9,0	01	Nhi	lẻ
22	000284	1201020272	Đào Thị Thanh	Luyến	30/06/2006	KD12E	06	322	8,3	01	Nhi	chấn
23	000285	1201020285	Đỗ Ngọc	Mai	02/11/2006	KD12E	06	323	7,3	01	Nhi	lẻ
24	000286	1201021654	Trương Thị Ngọc	Mai	04/10/2006	KD12E	06	324	9,0	01	Nhi	chấn
25	000287	1201020293	Đỗ Đức	Minh	18/05/2006	KD12E	06	325	5,5	01	Nhi	lẻ
26	000288	1201020314	Phạm Hồng	Ngát	06/04/2005	KD12E	06	326	8,0	01	Nhi	chấn
27	000289	1201020320	Trịnh Minh	Ngọc	28/12/2006	KD12E	06	327	9,0	01	Nhi	lẻ
28	000290	1201021600	Nguyễn Thảo	Nguyên	16/09/2006	KD12E	06	328	8,3	01	Nhi	chấn
29	000291	1201021813	Đỗ Trần Yên	Nhi	07/06/2006	KD12E	06	329	4,5	01	Nhi	lẻ
30	000292	1201020341	Trương Thị Yên	Nhi	04/10/2006	KD12E	06	330	9,8	01	Nhi	chấn
31	000293	1201020348	Trần Thị Ánh	Ninh	23/08/2006	KD12E	06	331	9,0	01	Nhi	lẻ
32	000294	1201020354	Đặng Thị Minh	Phương	21/12/2006	KD12E	06	332	7,8	01	Nhi	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 31....

Tổng số tờ giấy thi: 31

Tổng số biên bản: 0

Ngày 26 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Bùi Thị Vân

Đỗ Thị Nhàn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Tài chính hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000295	1201021505	Nguyễn Như	Quỳnh	09/01/2006	KD12E	06	271	5,8	01	Quỳnh	le'
2	000296	1201020379	Đinh Phương	Thanh	13/08/2006	KD12E	06	272	8,8	01	Thanh	chấn
3	000297	1201020390	Lê Thị Phương	Thảo	23/02/2006	KD12E	06	273	8,5	01	Thảo	le'
4	000298	1201020404	Lê Anh	Thư	12/11/2006	KD12E	06	274	4,8	01	Thư	chấn
5	000299	1201020417	Trần Thu	Thủy	19/08/2006	KD12E	06	275	9,5	01	Thủy	le'
6	000300	1201021670	Đỗ Thị	Trâm	03/07/2006	KD12E	06	276	9,5	01	Trâm	chấn
7	000301	1201020436	Nguyễn Quỳnh	Trang	25/08/2006	KD12E	06	277	8,5	01	Trang	le'
8	000302	1201020446	Nguyễn Thùy	Trang	10/01/2005	KD12E	06	278	5,5	01	Trang	chấn
9	000303	1201020452	Thân Hiền	Trang	08/03/2006	KD12E	06	279	7,3	01	Trang	le'
10	000304	1201020684	Nguyễn Thanh	Tú	23/10/2006	KD12E	06	280	5,5	01	Thú	chấn
11	000305	1201020468	Lê Thủy	Vân	17/09/2006	KD12E	06	281	8,3	01	Thủy	le'
12	000306	1201020476	Ngô Lê Hoàng	Việt	14/07/2006	KD12E	06	282	5,8	01	Viet	tham
13	000307	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD11A	07	283	7,5	01	Hương	le'
14	000308	1201020057	Lê Nhật	Anh	14/01/2006	KD12G	07	284	7,3	01	Anh	chấn
15	000309	1201020069	Nguyễn Phương	Anh	16/11/2006	KD12G	07					HP,ĐK
16	000310	1201020077	Nguyễn Thùy	Anh	02/07/2006	KD12G	07	285	4,0	01	Anh	chấn
17	000311	1201020084	Phùng Quỳnh	Anh	05/06/2006	KD12G	07	286	9,0	01	Anh	le'
18	000312	1201020093	Bùi Thị Ngọc	Ánh	22/04/2006	KD12G	07	287	2,8	01	Anh	chấn
19	000313	1201020097	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	30/07/2006	KD12G	07	288	6,8	01	Anh	le'
20	000314	1201020108	Nguyễn Mai	Chi	31/05/2006	KD12G	07	289	4,7	1	Chi	chấn B50%
21	000315	1201021823	Dương Thị Anh	Đào	26/09/2004	KD12G	07	290	6,8	1	Đào	le'
22	000316	1201020114	Hoàng Thị	Điềm	10/01/2005	KD12G	07	291	9,8	1	Điềm	chấn
23	000317	1201020120	Nguyễn Thị	Dịu	15/12/2006	KD12G	07	292	8,5	01	Dịu	le'
24	000318	1201020134	Ngô Thùy	Dương	10/07/2006	KD12G	07	293	7,3	01	Thùy	chấn
25	000319	1201020139	Vũ Đức	Duy	22/10/2003	KD12G	07	294	7,8	1	Duy	le'
26	000320	1201020153	Vũ Thị Thu	Hà	22/06/2006	KD12G	07	295	3,5	1	Hà	le'chấn
27	000321	1201020156	Ngô Thị Thanh	Hải	11/09/2006	KD12G	07					HP,ĐK
28	000322	1201020159	Phạm Thị Thủy	Hân	04/07/2006	KD12G	07	296	7,5	01	Hân	chấn
29	000323	1201020167	Ngô Minh	Hạnh	17/02/2006	KD12G	07	297	7,0	01	Hạnh	le'
30	000324	1201021801	Đỗ Thị Thu	Hiền	24/08/2006	KD12G	07	298	4,5	01	Hiền	chấn
31	000325	1201020171	Phạm Ngọc	Hiền	23/07/2006	KD12G	07	299	6,5	01	Hiền	le'
32	000326	1201020186	Trần Thị Hồng	Huế	16/11/2006	KD12G	07	300	6,3	01	Huế	chấn
33	000327	1201020195	Nguyễn Thanh	Hương	11/02/2006	KD12G	07	301	7,3	01	le'	le'

Tổng số sinh viên dự thi: 31.....

Tổng số tờ giấy thi: 31.....

Tổng số biên bản: 0 + 1 = 1.....

Ngày 26 tháng 06 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Huyền

Trần T. Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Tài chính hành chính sự nghiệp

Đề thi

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000328	1001020335	Đinh Quang	Vinh	11/02/2004	KD10E	07					ĐK
2	000329	1201020201	Nguyễn Quang	Huy	29/01/2004	KD12G	07	182	6,0	01	Huy	lẻ
3	000330	1201020211	Nguyễn Thị Thu	Huyền	05/06/2006	KD12G	07	183	5,0	01	Huyền	chẵn
4	000331	1201020217	Nguyễn Bá	Khánh	01/08/2006	KD12G	07	184	6,8	01	Khánh	lẻ
5	000332	1201021491	Đặng Trung	Kiên	23/09/2006	KD12G	07	185	4,0	01	Trương	chẵn
6	000333	1201020230	Bùi Thị Ngọc	Lan	30/04/2006	KD12G	07	186	5,3	01	Lan	lẻ
7	000334	1201020239	Chu Khánh	Linh	28/12/2006	KD12G	07	187	9,3	01	Linh	chẵn
8	000335	1201020249	Nguyễn Hoàng	Linh	13/07/2006	KD12G	07	188	8,5	01	Hoàng	lẻ
9	000336	1201020265	Ngô Thị Phương	Loan	06/06/2006	KD12G	07	189	9,0	01	Loan	chẵn
10	000337	1201020286	Đỗ Thị Thu	Mai	22/12/2005	KD12G	07					HP, ĐK
11	000338	1201020303	Đinh Ngọc	Nam	10/11/2006	KD12G	07	190	4,5	01	Nam	chẵn
12	000339	1201020310	Lê Bảo	Ngân	05/06/2006	KD12G	07	191	5,0	01	Ngân	lẻ
13	000340	1201020315	Mã Đình	Nghiêm	11/04/2006	KD12G	07	192	5,3	01	Nghiêm	chẵn
14	000341	1201020332	Hoàng Thị Trang	Nhi	20/01/2006	KD12G	07	193	6,8	01	Nhi	lẻ
15	000342	1201020342	Lê Quỳnh	Như	12/02/2006	KD12G	07	194	9,5	01	Như	chẵn
16	000343	1201020349	Nguyễn Thị Kim	Oanh	28/12/2006	KD12G	07	195	8,0	01	Oanh	lẻ
17	000344	1201020351	Trần Đức	Phát	02/08/2006	KD12G	07	196	3,8	01	Trần	chẵn
18	000345	1201020357	Đỗ Thu	Phượng	05/12/2006	KD12G	07	197	5,8	01	Phượng	lẻ
19	000346	1201020364	Đặng Thị	Phượng	16/07/2006	KD12G	07	198	8,8	01	Phượng	chẵn
20	000347	1201020372	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	04/12/2006	KD12G	07	199	4,0	01	Quỳnh	lẻ
21	000348	1201020383	Chu Thạch	Thảo	31/01/2006	KD12G	07	200	8,3	01	Thạch	chẵn
22	000349	1201020391	Nguyễn Phương	Thảo	19/04/2006	KD12G	07					HP, ĐK
23	000350	1201020396	Vũ Thanh	Thảo	20/09/2006	KD12G	07	201	9,0	01	Thảo	chẵn
24	000351	1201020406	Lê Hoàng Minh	Thư	15/12/2006	KD12G	07	202	7,3	01	Thư	lẻ
25	000352	1201020418	Vũ Thị Thu	Thủy	28/09/2006	KD12G	07	203	8,3	01	Thủy	chẵn
26	000353	1201020426	Nguyễn Đình Huệ	Trâm	17/08/2006	KD12G	07	204	7,8	01	Trâm	lẻ
27	000354	1201020429	Đỗ Thị	Trang	04/12/2006	KD12G	07	205	8,0	01	Trang	chẵn
28	000355	1201020434	Nguyễn Huyền	Trang	15/10/2006	KD12G	07	206	6,5	01	Trang	lẻ
29	000356	1201020437	Nguyễn Quỳnh	Trang	03/07/2006	KD12G	07					HP, ĐK
30	000357	1201021638	Đặng Kiên	Trung	23/09/2006	KD12G	07	207	5,0	01	Trung	lẻ
31	000358	1201020460	Bùi Văn	Tuấn	01/01/2000	KD12G	07	208	5,0	01	Tuấn	chẵn
32	000359	1201020469	Nguyễn Hải	Vân	19/03/2006	KD12G	07	209	8,0	01	Vân	lẻ
33	000360	1201020478	Đào Minh	Vũ	07/10/2006	KD12G	07	210	5,0	01	Đào	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 29

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 0

Ngày 26 tháng 06 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thanh Hà

Đinh Thị Luyện